

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HC-PT

Ngày: 21/02/2019

V/v: *Khiếu kiện hành vi hành chính*

TH

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Bảo Vĩnh;

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;
Ông Phùng Hải Hiệp.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Vi Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Tú Anh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 191/2018/TLPT-HC ngày 09 tháng 7 năm 2018, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST, ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1087/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

*** *Người khởi kiện:*** Bà Phạm Thị L, sinh năm 1925; địa chỉ: Thị trấn N, huyện G, Nam Định; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn N, sinh năm 1963; địa chỉ: Thị trấn N, huyện G, Nam Định; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Doãn Hùng và luật sư Ngô Văn Vinh - Công ty Luật TNHH-HTC Việt Nam, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; đều có mặt.

*** *Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện G: Ông Vũ Thanh T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định; có mặt. (Văn bản ủy quyền ngày 08/11/2017).

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Phan Văn N, sinh năm 1963.
2. Bà Bùi Thị T; sinh năm 19.. (vợ ông N).

Cùng địa chỉ: Thị trấn N, huyện G, tỉnh Nam Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2017 của bà Phạm Thị L; các bản tự khai ngày 08/12/2017, ngày 18/01/2018, ngày 16/3/2018 của ông Phan Văn N là người đại diện theo ủy quyền của bà Liên, đồng thời là người có quyền - nghĩa vụ liên quan trong vụ án, thì:

Thửa đất hiện nay gia đình bà (Phạm Thị L) đang sử dụng có diện tích đất 6.150m², tọa lạc tại Tổ dân phố 3, thị trấn N, huyện G, tỉnh Nam Định, có nguồn gốc một phần là do bà Phạm Thị L cùng chồng là ông Phan Văn K mua của ông Phan Văn Q ở xã G huyện G vào khoảng năm 1960; một phần được Hợp tác xã nông nghiệp cho sử dụng diện tích đất hoang hóa, trũng nhất gọi là “Đầm trước” giáp với diện tích đất mua của ông Phan Văn Q.

Trong quá trình sử dụng đất, gia đình bà đã cải tạo, canh tác, sinh sống trên thửa đất từ đó cho đến nay. Quá trình sử dụng, không xảy ra tranh chấp với ai. Nội dung sự việc như trên được ông Phan Văn M, nguyên Chủ tịch xã giai đoạn từ năm 1968 đến 1986 và ông Nguyễn Văn N1, nguyên Cán bộ địa chính xã từ năm 1982 đến 1988 xác nhận quá trình sử dụng đất gia đình chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về thuế nông nghiệp.

Năm 1995, UBND thị trấn N, huyện G đo đạc, lập bản đồ hiện trạng thì thửa đất có số thửa 206, thuộc tờ bản đồ số 11 tổng diện tích là 6.150m² (trong đó đất ở: 360m²; đất vườn: 1.105m²; đất ao: 1.375m²; đất 2 lúa: 3.310m²), người đứng tên kê khai là Phan Văn N - con trai bà L, ông K).

Từ năm 2008, gia đình bà (L) nhiều lần gửi đơn đề nghị Ủy ban nhân thị trấn N và Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến ngày 24/8/2017 mới nhận được văn bản trả lời số 556/UBND-VP của UBND huyện G, với nội dung chỉ chấp nhận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất là 1993 m², diện tích còn lại không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận.

Do đó, ngày 24/10/2017 của bà Phạm Thị L khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xem xét hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện G từ chối cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện G tiến hành các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích 6.150m² đất mà gia đình bà đã sử dụng ổn định từ năm 1960.

Người bị kiện trình bày:

Theo hồ sơ lưu trữ tại UBND thị trấn N, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G và Văn phòng đăng ký đất đai thì diện tích đất của hộ gia đình bà L được thể hiện trên bản đồ, sổ mục kê lập năm 1988 có số thửa 345, tờ bản đồ số 2, tổng diện tích là 2.750m² (trong đó đất ở: 360m²; đất vườn:

540m²; đất ao: 600m²; đất 2 lúa: 1.250m²). Gia đình bà L là hộ cá thể, không tham gia HTX nông nghiệp, không có hộ khẩu nông nghiệp, không thuộc diện được giao ruộng theo Quyết định 115/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh.

Năm 1995 thị trấn N đo đạc, lập lại bản đồ hiện trạng theo tỷ lệ 1/1.000, hộ gia đình bà L (do ông Phan Văn N là con trai của bà L đứng tên) được thể hiện tại tờ số 11, thửa 206, tổng diện tích là 6.150m² (trong đó đất ở: 360m²; đất vườn: 1.105m²; đất ao: 1.375m²; đất hai lúa: 3.310m²).

So với bản đồ năm 1988 thì đất của gia đình bà L tăng lên 3.400m² (trong đó: đất vườn tăng 565m², đất ao tăng 775m², đất hai lúa tăng 2.060m²). Theo báo cáo của UBND thị trấn N thì phần diện tích tăng lên này là do khi tiến hành đo đạc, lập bản đồ hiện trạng, gia đình bà L đã tự khai nhận phần diện tích đất hai lúa của hợp tác xã vào diện tích đất nhà bà.

Ngày 27/6/1998 UBND thị trấn N đã làm việc với gia đình bà L, có Biên bản giao diện tích đất hai lúa cho ông Phan Văn K (chồng bà L) 02 sào, giao cho ông Phan Văn N (con ông K bà L) 2,75 sào, tổng diện tích giao cho hai hộ là 4,75 sào bằng 1.710m². Diện tích còn lại là 1.690m² thuộc quỹ đất công, UBND thị trấn N tạo điều kiện để gia đình bà Liên được sử dụng theo hình thức đấu thầu đất công của địa phương.

Năm 1998, UBND tỉnh Nam Định có Quyết định số 1974/QĐ-UB ngày 09/12/1998 thu hồi 757m² đất hai lúa, vị trí tại tờ số 02 thửa 345 thuộc bản đồ, sổ mục kê lập năm 1988 của gia đình bà L, giao cho Điện lực Nam Định xây dựng nhà điều hành sản xuất Chi nhánh điện huyện G. Gia đình bà L đã được đền bù, hỗ trợ theo quy định của pháp luật và gia đình không có ý kiến thắc mắc gì.

Năm 2010, ông Phan Văn N (con trai của bà L) đã xây tường bao xung quanh thổ và xây bao cả phần diện tích đất hai lúa. UBND thị trấn N đã kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu gia đình tháo dỡ nhưng gia đình ông N không chấp hành, cho rằng diện tích đất hai lúa là diện tích hợp pháp của gia đình và không hợp tác để giải quyết vụ việc.

Năm 2013, ông Phan Văn N lại tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng diện tích đất hai lúa thành đất vườn để trồng cây. UBND thị trấn N đã kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu khôi phục lại hiện trạng ban đầu, nhưng gia đình ông N không chấp hành, cho rằng toàn bộ diện tích 6.150m² là đất hợp pháp của gia đình mình, đồng thời có hành vi chống đối, không hợp tác để giải quyết vụ việc.

Ngày 12/9/2014 gia đình bà Phạm Thị L có đơn đề nghị UBND thị trấn N cấp GCNQSD đất với diện tích 6.150m².

UBND thị trấn N đã có văn bản trả lời bà L về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích $6.150m^2$ là không đủ điều kiện. Theo quy định của Luật đất đai thì chỉ có phần diện tích đất hợp pháp theo bản đồ, sổ mục kê lập năm 1988 là đủ điều kiện để cấp (*diện tích này là $2.750m^2$ khấu trừ đi phần diện tích đã thu hồi theo Quyết định của UBND tỉnh là $757m^2$ còn lại là $1.993m^2$*). Mặc dù đã được giải thích và hướng dẫn nhưng gia đình bà vẫn cố tình không chấp hành, tiếp tục làm đơn đề nghị UBND huyện và các cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ diện tích $6.150m^2$.

Ngày 18/11/2014, UBND thị trấn N có văn bản số 02/BC-UBND trả lời đơn đề nghị của gia đình bà L và yêu cầu gia đình bà cung cấp các văn bản, giấy tờ chứng minh nguồn gốc phần diện tích đất tăng lên. Tuy nhiên cho đến nay gia đình không đưa ra được bất cứ bằng chứng nào khác mà chỉ căn cứ vào bản đồ hiện trạng lập năm 1995.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật và thực trạng việc sử dụng đất của gia đình bà L, UBND huyện G yêu cầu gia đình bà thực hiện nghiêm túc những nội dung sau:

- Thực hiện nghiêm việc khắc phục các vi phạm: tự ý xây dựng tường bao xung quanh cả phần diện tích đất hai lúa tăng lên, tự ý đổ bê tông ngõ đi không theo quy hoạch sử dụng đất, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất hai lúa thành đất vườn khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép, khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm. Hoàn trả lại phần diện tích $3.400m^2$ đất tăng lên cho địa phương quản lý theo đúng quy định của pháp luật (diện tích đất tăng lên này được gia đình bà sử dụng sau ngày 15/10/1993).

- Đối với phần diện tích $1.993m^2$ là đất sử dụng hợp pháp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình bà L có trách nhiệm liên hệ với UBND thị trấn Ngô Đồng để được hướng dẫn trình tự, thủ tục lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn N, bà Bùi Thị T trình bày về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, hoàn toàn nhất trí như quan điểm trình bày của người khởi kiện. Ngoài ra vợ chồng ông N có quan điểm cho rằng gia đình ông đã sử dụng đất ổn định từ năm 1960 đến nay, quá trình sử dụng không xảy ra tranh chấp và luôn làm nghĩa vụ của người sử dụng đất. Vì vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, buộc Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích $6.150m^2$ đất cho hộ gia đình bà Phạm Thị L.

Đại diện UBND huyện G có cung cấp cho HĐXX: Biên bản bàn giao tài liệu ruộng đất giữa UBND xã B và UBND thị trấn N vào năm 1986 khi thành lập thị trấn N theo Quyết định số 34/HĐBT ngày 01/4/1986 của Hội

đồng Bộ trưởng thể hiện diện tích đất của ông Phan Văn K có sổ thửa 345 thuộc tờ bản đồ số 02 tổng diện tích 2.250 m².

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 25/5/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 344; Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với 1.993 m² đất có sổ thửa 345, thuộc tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính của UBND thị trấn N, huyện G lập năm 1988 cho bà Phạm Thị L.

Kiên nghị UBND huyện G làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất nêu trên cho bà Phạm Thị L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/6/2018, bà Phạm Thị L có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc UBND huyện G thu hồi Văn bản số 556 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà với diện tích 6.150m² đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Văn N đại diện do được bà Phạm Thị L ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo vì lý do 6.150m² nguồn gốc của gia đình mua của gia đình ông Phan Văn Q và có một phần do gia đình khai hoang; gia đình đã sử dụng ổn định từ trước 15/10/1993.

Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bà Phạm Thị L có quan điểm: Theo Bản đồ địa chính thị trấn N lập năm 1995, tờ bản đồ số 11 có diện tích 6.150m². So với bản đồ địa chính năm 1988 thì diện tích đất của gia đình bà Liên tăng lên 3.400m². Nguồn gốc diện tích tăng lên đó là do vợ chồng bà L mua của hộ gia đình ông Phan Văn Q khoảng năm 1960 và một phần do gia đình khai hoang; gia đình bà L sử dụng trước khi có Luật đất đai năm 1993 đến nay vẫn ổn định và không có tranh chấp với các hộ xung quanh. Căn cứ vào Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật đất đai về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì toàn bộ diện tích 6.150m² đất gia đình bà Phạm Thị L có đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bởi vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, buộc Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Liên với diện tích 6.150m².

Đại diện UBND huyện G (bên bị kiện) vẫn khẳng định: Bản đồ địa chính số 1988 hộ gia đình bà Liên chỉ có 2.750m². Năm 1998, Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định đã thu hồi 757m² đất hai lúa để xây dựng nhà điều hành

Chi nhánh điện huyện G. Bản đồ 1995 do hiện trạng thì diện tích thửa đất lại có diện tích $6.150m^2$, chênh lệch $3.400m^2$. Về pháp lý, Bản đồ lập năm 1995 chưa được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu nên không có giá trị pháp lý; về thực tế thì số diện tích đất tăng lên này là do năm 1998 Chủ tịch UBND thị trấn N giao 4,75 sào đất 2 lúa cho gia đình bà L là trái thẩm quyền vì gia đình bà Liên là Hộ ngoài Hợp tác xã, không thuộc đối tượng được giao đất nông nghiệp quy định tại Quyết định 115/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh; quá trình sử dụng đất thì gia đình bà L luôn vi phạm luật đất đai như tự ý xây tường bao, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đổ bê tông làm đường trên thửa đất mà không được phép của chính quyền cơ sở; Chính quyền lập biên bản vi phạm hành chính thì chống đối và không chấp hành. Do đó, UBND huyện G đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

- Về tố tụng: Các Thẩm phán - Hội đồng xét xử xử phúc thẩm, Thư ký cũng như các đương sự và người tham gia tố tụng khác đều nghiêm túc chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Theo Bản đồ, Sổ mục kê lập năm 1988, Bản đồ tỷ lệ 1/2000 tại tờ số 02 thửa 345 thửa đất hộ ông K, bà L có tổng diện tích $2.750m^2$ (trong đó: $360m^2$ là đất ở; $540m^2$ là đất vườn; $600m^2$ là đất ao; $1.250m^2$ là đất 2 lúa). Năm 1998, hộ ông K, bà L đã bị thu hồi theo quyết định của UBND tỉnh Nam Định là $757m^2$, diện tích còn lại $1.993m^2$.

Biên bản bàn giao tài liệu ruộng đất giữa UBND xã B và UBND thị trấn N vào năm 1986 khi thành lập thị trấn N theo Quyết định số 34/HĐBT ngày 01/4/1986 của Hội đồng Bộ trưởng, thể hiện diện tích đất của ông Phan Văn K có sổ thửa 345 thuộc tờ bản đồ số 02 tổng diện tích $2.250 m^2$.

Số diện tích $3.400m^2$ đất tăng thêm của hộ gia đình bà L theo Bản đồ lập năm 1995 là do ngày 27/6/1998, UBND thị trấn N giao diện tích đất 2 lúa cho gia đình bà L là 4,75 sào bằng $1.710m^2$; diện tích còn lại $1.690m^2$ thuộc quỹ đất của UBND thị trấn N, UBND thị trấn N tạo điều kiện để cho gia đình bà L được sử dụng theo hình thức đấu thầu đất công của địa phương. Vì gia đình bà L là Hộ ngoài Hợp tác xã, không phải là xã viên Hợp tác xã nông nghiệp nên không thuộc đối tượng được giao đất nông nghiệp theo Quyết định 115/QĐ-UBND ngày 15/2/1992 của UBND tỉnh Hà Nam Ninh. Việc Ủy ban nhân dân thị trấn Đồng Ngô giao 4,75 sào đất 2 lúa cho hộ gia đình bà L nêu trên là trái thẩm quyền và vi phạm Luật đất đai năm 1993, không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với số diện tích đất tăng lên này.

Bởi vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015, xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm

Thị L, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HCST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các bên đương sự thì có căn cứ xác định gia đình bà Phạm Thị L ở địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn N, huyện G, Nam Định; hiện đang quản lý, sử dụng thửa đất diện tích $6.150m^2$. Gia đình bà L cho rằng thửa đất này, gia đình bà sử dụng ổn định từ khoảng năm 1960, gia đình mua đất liền kề của ông Phan Văn Q và khai hoang, phục hóa đất Đầm trũng. Từ 2008, gia đình bà có đơn đề nghị UBND thị trấn N và UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà. Nhưng UBND thị trấn N và UBND huyện G cho rằng nguồn gốc đất của gia đình bà Liên chỉ có $2.750m^2$. Quá trình sử dụng gia đình lấn chiếm đất công và được UBND thị trấn giao trái pháp luật 4,75 sào đất nông nghiệp năm 1998 đồng thời gia đình có nhiều vi phạm trong quá trình quản lý sử dụng đất nên quan điểm của UBND huyện G chỉ có thể cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà L đối với diện tích đất hợp pháp, đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai ($1.993m^2$) chứ không thể cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ diện tích $6.150m^2$. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ kiện hành vi hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân là đúng.

Căn cứ vào sổ mục kê và bản đồ địa chính của UBND thị trấn N, huyện G lập năm 1988 thì thửa đất của gia đình bà Liên có số thửa 345, tờ bản đồ số 2, tổng diện tích là $2.750m^2$ (trong đó: $360m^2$ đất ở; $540m^2$ đất vườn; $600m^2$ đất ao; $1.250m^2$ đất 2 lúa). Ngày 09/12/1998 UBND tỉnh Nam Định ban hành Quyết định số 1974/1998/QĐ-UB thu hồi $757m^2$ đất 2 lúa của gia đình bà L để xây dựng nhà điều hành Chi nhánh điện huyện G. Như vậy diện tích thửa đất của gia đình bà L chỉ còn $1.993m^2$.

Theo bản đồ năm 1995 UBND xã Ngô Đồng, huyện G đo đạc lập lại bản đồ hiện trạng thì đất của gia đình bà L có số thửa 206, thuộc tờ bản đồ số 11 tổng diện tích là $6.150m^2$ (trong đó: $360m^2$ đất ở; $1.105m^2$ đất vườn; $1.375m^2$ đất ao; $3.310m^2$ là đất 2 lúa). So với bản đồ năm 1988 thì diện tích đất của gia đình bà Liên tăng lên $3.400m^2$.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L và ông N (con bà L) đều khai rằng diện tích $3.400m^2$ đất tăng lên, là do năm 1960 gia đình mua đất của gia đình ông Phan Văn Q và một phần gia đình tự khai hoang, phục hóa đất trũng “Đầm trước” giáp với diện tích đất mua của ông Phan Văn Q. Song không có

Hợp đồng hợp pháp, không có diện tích, kích thước, ranh giới của thửa đất nên không có căn cứ xác định;

Theo hồ sơ vụ án thì trong quá trình sử dụng đất gia đình bà L đã nhiều lần vi phạm pháp luật về đất đai, lấn chiếm đất công thuộc quyền quản lý của HTX nông nghiệp thị trấn N, tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất, mở ngõ đi không theo đúng quy hoạch của chính quyền địa phương, xây dựng tường bao trái phép trên diện tích đất của HTX quản lý. Cụ thể là: Năm 2010, ông Phan Văn N (con bà L) xây tường bao toàn bộ khu đất, gồm cả diện tích đất 2 lúa. UBND thị trấn N lập Biên bản vi phạm hành chính, yêu cầu gia đình tự tháo dỡ, khôi phục lại hiện trạng ban đầu nhưng ông N và gia đình không chấp hành. Năm 2013, ông Phan Văn N lại tự ý chuyển đổi diện tích đất 2 lúa thành đất vườn. UBND thị trấn N lập Biên bản vi phạm hành chính, yêu cầu khôi phục lại tình trạng ban đầu nhưng ông Phan Văn N và gia đình không chấp hành.

Như vậy, phần diện tích đất 3.400m² tăng lên, phía gia đình bà L cho rằng của gia đình mình khai hoang và mua của gia đình ông Phan Văn Q, còn phía UBND thị trấn N và UBND huyện G khẳng định đó là đất công do Hợp tác xã nông nghiệp và UBND thị trấn N quản lý; quá trình sử dụng thì gia đình bà L có nhiều vi phạm về quản lý, sử dụng đất. Bởi vậy, Ủy ban nhân dân huyện G không công nhận diện tích đất tăng lên này thuộc quyền sử dụng hợp pháp và không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Phạm Thị L như quan điểm thể hiện tại Văn bản số 556/UBND-VP ngày 24/8/2017 là có căn cứ.

Bởi vậy kháng cáo của bà Phạm Thị L và luận cứ luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bà L tại phiên tòa phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Bà Phạm Thị L được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Phạm Thị L đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2016/0001057 ngày 02/11/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định được hoàn lại.

Từ nhận định trên; căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị L, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 344; Điều 348 Luật tố tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 1.993m² đất có số thửa 345, thuộc tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính của UBND thị trấn N, huyện G lập năm 1988 cho bà Phạm Thị L.

Kiên nghị UBND huyện G làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên cho bà Phạm Thị L.

[2] Án phí: Bà Phạm Thị L được miễn án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

Đã ký

Mai Anh Tài

Phùng Hải Hiệp

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đặng Bảo Vĩnh

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Các đương sự (theo địa chỉ;
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Bảo Vĩnh